



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ LUYỆN KIM**



an independent member of  
**BAKER TILLY  
INTERNATIONAL**





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C**  
**A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0024/2014/BCTC-KTTV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần cơ khí luyện kim, được lập ngày 13 tháng 01 năm 2014, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cơ khí luyện kim tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2014

01  
02  
03  
04  
05  
06  
07  
08  
09  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.418.577.560</b>	<b>34.486.003.858</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.060.809.554</b>	<b>2.157.502.615</b>
1. Tiền	111		7.060.809.554	2.157.502.615
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.732.036.732</b>	<b>12.597.058.481</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	18.405.244.232	12.476.570.281
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	320.000.000	112.060.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6.792.500	8.428.200
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.073.405.737</b>	<b>19.319.036.866</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	17.073.405.737	19.319.036.866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>552.325.537</b>	<b>412.405.896</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	204.985.800
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		366.475.902	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	179.549.635	196.420.096
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.300.000	11.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>15.122.769.570</b>	<b>10.295.466.585</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.122.769.570</b>	<b>10.295.466.585</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	15.061.769.570	10.295.466.585
<i>Nguyên giá</i>	222		72.357.699.503	66.508.196.118
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(57.295.929.933)	(56.212.729.533)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	61.000.000	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>58.541.347.130</b>	<b>44.781.470.443</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>19.642.741.947</b>	<b>9.131.646.570</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>19.642.741.947</b>	<b>9.131.646.570</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	7.098.902.000	2.643.396.160
2. Phải trả người bán	312	V.9	4.230.092.092	304.904.977
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	1.507.734.443	1.149.345.628
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	141.539.336	62.178.151
5. Phải trả người lao động	315	V.12	6.082.019.968	4.207.666.312
6. Chi phí phải trả	316		92.870.999	124.088.149
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	422.704.196	512.388.280
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.14	66.878.913	127.678.913
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.898.605.183</b>	<b>35.649.823.873</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>38.898.605.183</b>	<b>35.649.823.873</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	26.000.000.000	26.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.15	4.911.835.000	4.611.915.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.15	1.441.262.000	1.253.812.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.15	6.545.508.183	3.784.096.873
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>58.541.347.130</b>	<b>44.781.470.443</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

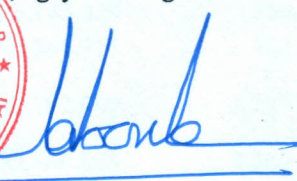
### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		81.299,38	135.392,23
Euro (EUR)		240,67	1.655,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2014

  
Trương Thị Mỹ Dung  
Người lập biểu

  
Đỗ Xuân Quang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

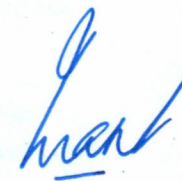
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	138.787.291.719	123.815.527.447
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	86.342.500	455.833.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	138.700.949.219	123.359.694.247
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	120.030.740.858	108.361.118.775
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.670.208.361	14.998.575.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	141.465.596	90.338.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	383.148.829	880.635.088
Trong đó: chi phí lãi vay	23		207.768.773	794.960.974
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1.152.792.049	1.229.300.213
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.552.766.863	9.269.755.649
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.722.966.216	3.709.223.096
11. Thu nhập khác	31	VI.7	830.389.525	380.264.688
12. Chi phí khác	32	VI.8	196.335.042	71.056.365
13. Lợi nhuận khác	40		634.054.483	309.208.323
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.357.020.699	4.018.431.419
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	835.849.389	269.436.670
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.521.171.310</u>	<u>3.748.994.749</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.508</u>	<u>1.442</u>

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2014

  
 Trương Thị Mỹ Dung  
 Người lập biểu

  
 Đỗ Xuân Quang  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Xuân Sơn  
 Tổng Giám đốc




**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.357.020.699	4.018.431.419
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.6	2.401.170.951	2.347.178.783
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	207.768.773	794.960.974
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.965.960.423	7.160.571.176
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.479.883.692)	(634.064.372)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.245.631.129	2.946.764.945
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.919.345.353	(739.133.492)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		223.284.423	(204.985.800)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(207.768.773)	(794.960.974)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.11	(638.805.205)	(117.680.294)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(473.190.000)	(482.085.680)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10.554.573.658</b>	<b>7.134.425.509</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(7.246.772.559)	(553.094.049)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.246.772.559)</b>	<b>(553.094.049)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

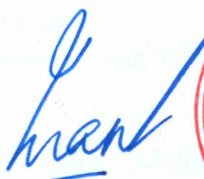
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.8	23.743.337.450	17.005.792.258
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.8	(19.287.831.610)	(21.170.039.559)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15	(2.860.000.000)	(3.685.028.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.595.505.840</b>	<b>(7.849.275.301)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.903.306.939</b>	<b>(1.267.943.841)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2.157.502.615</b>	<b>3.425.446.456</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>7.060.809.554</b>	<b>2.157.502.615</b>

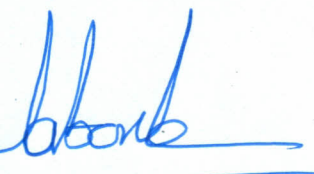
Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2014



Trương Thị Mỹ Dung  
Người lập biểu



Đỗ Xuân Quang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí, kết cấu và xây lắp công nghiệp; Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị; Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen và kim loại màu; Mua bán vật tư các loại, nguyên liệu, vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim; Xử lý các phế liệu kim loại; Cho thuê kho, bãi; Dịch vụ phân tích mẫu; Chế tạo, sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục.
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 239 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 253 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

##### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

##### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

##### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	07-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

**6. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình lắp đặt không được tính khấu hao.

**8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### 12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không quy định mức trích lập tối đa
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	5%	10% vốn Điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm	Không quy định mức trích lập tối đa

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.085 VND/USD  
31/12/2012 : 20.815 VND/USD

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm, hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 17. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty chỉ có nhóm các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	126.302.225	97.587.305
Tiền gửi ngân hàng	6.934.507.329	2.059.915.310
Cộng	<u>7.060.809.554</u>	<u>2.157.502.615</u>

#### 2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các công ty liên quan	1.664.553.000	2.422.503.900
Phải thu các khách hàng khác	16.740.691.232	10.054.066.381
Cộng	<u>18.405.244.232</u>	<u>12.476.570.281</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Trả trước cho người bán**

Trả trước cho người bán trong nước.

**4. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	4.995.625.192	7.392.722.481
Công cụ, dụng cụ	67.875.709	88.672.077
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.393.065.558	3.759.369.422
Thành phẩm	8.616.839.278	8.078.272.886
<b>Cộng</b>	<b>17.073.405.737</b>	<b>19.319.036.866</b>

**5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	55.504.848
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	179.549.635	140.915.248
<b>Cộng</b>	<b>179.549.635</b>	<b>196.420.096</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.504.160.292	44.710.081.810	6.892.710.859	2.401.243.157	66.508.196.118
Tăng trong năm	2.782.350.194	1.525.850.547	2.938.571.818	-	7.246.772.559
Giảm trong năm	(255.217.774)	(487.626.883)	(377.696.480)	(276.728.037)	(1.397.269.174)
Thanh lý, nhượng bán	(182.690.000)	(156.836.900)	(377.696.480)	(33.132.000)	(750.355.380)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	(72.527.774)	(330.789.983)	-	(243.596.037)	(646.913.794)
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.031.292.712</b>	<b>45.748.305.474</b>	<b>9.453.586.197</b>	<b>2.124.515.120</b>	<b>72.357.699.503</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.900.266.495	30.227.532.465	4.923.384.079	1.390.723.302	44.441.906.341
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.158.106.051	38.181.500.471	6.005.668.038	1.867.454.973	56.212.729.533
Khấu hao trong năm	199.402.591	1.595.814.518	460.298.268	145.655.574	2.401.170.951
Giảm trong năm	(245.567.300)	(468.586.991)	(377.696.480)	(226.119.780)	(1.317.970.551)
Thanh lý, nhượng bán	(182.690.000)	(156.836.900)	(377.696.480)	(33.132.000)	(750.355.380)
Giảm khác (chuyển sang công cụ, dụng cụ)	(62.877.300)	(311.750.091)	-	(192.987.780)	(567.615.171)
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.111.941.342</b>	<b>39.308.727.998</b>	<b>6.088.269.826</b>	<b>1.786.990.767</b>	<b>57.295.929.933</b>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.346.054.241	6.528.581.339	887.042.821	533.788.184	10.295.466.585
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.919.351.370</b>	<b>6.439.577.476</b>	<b>3.365.316.371</b>	<b>337.524.353</b>	<b>15.061.769.570</b>
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.478.424.450 VND và 5.334.006.147 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác (kết chuyển chi phí phân bổ)	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	4.397.104.670	(4.336.104.670)	-	61.000.000
XDCB dở dang	-	2.910.667.889	(2.910.667.889)	-	-
- Công trình mở rộng phân xưởng đúc	-	2.375.700.188	(2.375.700.188)	-	-
- Công trình nhà vệ sinh xưởng cơ khí	-	406.650.006	(406.650.006)	-	-
- Công trình sàn con lăn	-	128.317.695	(128.317.695)	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	666.965.676	-	(666.965.676)	-
Cộng	-	7.974.738.235	(7.246.772.559)	(666.965.676)	61.000.000

#### 8. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai <sup>(i)</sup>	-	2.643.396.160
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa <sup>(ii)</sup>	7.098.902.000	-
Cộng	7.098.902.000	2.643.396.160

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.6).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp hoặc tài sản hình thành từ vốn vay của Công ty khi bên cho vay có yêu cầu.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác (chênh lệch tỷ giá)	Số cuối năm
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	2.643.396.160	8.232.842.930	(10.874.205.218)	(2.033.872)	-
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	-	15.510.494.520	(8.406.910.364)	(4.682.156)	7.098.902.000
Cộng	2.643.396.160	23.743.337.450	(19.281.115.582)	(6.716.028)	7.098.902.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các công ty liên quan	64.094.400	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.165.997.692	304.904.977
<b>Cộng</b>	<b>4.230.092.092</b>	<b>304.904.977</b>

#### 10. Người mua trả tiền trước

Khách hàng ứng trước tiền mua thành phẩm.

#### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	62.178.151	617.274.736	(679.452.887)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	116.111.753	(116.111.753)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	37.743.806	(37.743.806)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(55.504.848)	835.849.389	(638.805.205)	141.539.336
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(140.915.248)	395.169.627	(433.804.014)	(179.549.635)
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>(134.241.945)</b>	<b>2.005.149.311</b>	<b>(1.908.917.665)</b>	<b>(38.010.299)</b>

(\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.5).

##### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

##### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất chính với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ năm 2007. Công ty được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập từ sản xuất kinh doanh và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo. Năm 2013 Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất chính với thuế suất thuế 15% và được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Đối với hoạt động kinh doanh vật tư trong ngành cơ khí, luyện kim xác định theo giấy phép kinh doanh Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2007, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm 2007, giảm 50% thuế phải nộp trong thời hạn 6 năm kể từ năm 2009.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.357.020.699	4.018.431.419
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	369.321.405	226.411.365
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	7.726.342.104	4.244.842.784
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.931.585.526</b>	<b>1.061.210.696</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(1.207.109.883)</b>	<b>(676.301.167)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>724.475.643</b>	<b>384.909.529</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>111.373.746</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2012/TT-BTC</b>	<b>-</b>	<b>(115.472.859)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>835.849.389</b>	<b>269.436.670</b>

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 12. Phải trả người lao động

Khoản dự phòng lương còn phải trả cho người lao động, khoản này không vượt 17% Tổng quỹ lương đã chi trong năm.

Tổng quỹ lương của Công ty được xác định bằng công thức như sau:

$$QL_{CT} = \sum \text{ĐG}_{CT} \text{SP}_i \times \text{SL} \text{SP}_i$$

Trong đó:

- $QL_{CT}$ : Tổng quỹ tiền lương của Công ty;
- $\text{ĐG}_{CT} \text{SP}_i$ : Đơn giá tiền lương của Công ty đối với sản phẩm i. Đơn giá này được Tổng Giám đốc xét duyệt hàng quý;
- $\text{SL} \text{SP}_i$ : Sản lượng của sản phẩm i sản xuất trong năm.

#### 13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	52.809.840	102.341.752
Bảo hiểm xã hội	52.809.840	45.155.760
Các khoản phải trả khác	317.084.516	364.890.768
<b>Cộng</b>	<b>422.704.196</b>	<b>512.388.280</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	74.247.200	74.980.000	(140.200.000)	9.027.200
Quỹ phúc lợi	53.431.713	299.920.000	(295.500.000)	57.851.713
<b>Cộng</b>	<b>127.678.913</b>	<b>374.900.000</b>	<b>435.700.000</b>	<b>66.878.913</b>

**15. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**Cổ tức**

Trong năm Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông là 2.860.000.000 VND (năm trước là 3.685.028.000 VND).

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	2.600.000	2.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.600.000	2.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000	2.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.600.000	2.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	138.787.291.719	123.815.527.447
- Doanh thu bán thành phẩm	137.941.029.674	123.241.795.947
- Doanh thu bán vật tư	786.162.045	522.731.500
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.100.000	51.000.000
Hàng bán bị trả lại	(86.342.500)	(455.833.200)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>138.700.949.219</b>	<b>123.359.694.247</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	137.854.687.174	122.785.962.747
- Doanh thu thuần bán vật tư	786.162.045	522.731.500
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	60.100.000	51.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ <sup>(i)</sup>	119.497.094.376	107.855.880.725
Giá vốn của vật tư đã tiêu thụ	473.546.482	459.638.050
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	60.100.000	45.600.000
<b>Cộng</b>	<b>120.030.740.858</b>	<b>108.361.118.775</b>

**(i) Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	72.270.083.225	65.820.439.744
Chi nhân công trực tiếp	21.402.984.288	18.386.110.663
Chi phí sản xuất chung	29.816.932.177	22.497.562.144
Tổng chi phí sản xuất	123.489.999.690	106.704.112.551
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	366.303.864	1.819.901.596
Chênh lệch nhập xuất khác	(3.820.642.786)	(2.217.615.018)
Tổng giá thành sản xuất	120.035.660.768	106.306.399.129
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(538.566.392)	1.549.481.596
<b>Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ</b>	<b>119.497.094.376</b>	<b>107.855.880.725</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	54.944.200	57.725.316
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.521.396	32.613.258
<b>Cộng</b>	<b>141.465.596</b>	<b>90.338.574</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	207.768.773	794.960.974
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	175.380.056	85.674.114
<b>Cộng</b>	<b>383.148.829</b>	<b>880.635.088</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	57.732.263	157.845.803
Chi phí bảo hành	-	13.471.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.009.962.974	899.538.300
Chi phí khác	85.096.812	158.444.334
<b>Cộng</b>	<b>1.152.792.049</b>	<b>1.229.300.213</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.800.905.747	5.344.747.748
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	424.109.606	513.750.531
Chi phí đồ dùng văn phòng	299.687.504	218.101.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.179.684	257.398.737
Thuế, phí và lệ phí	47.266.476	24.725.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	595.299.377	999.800.122
Chi phí khác	2.130.318.469	1.911.232.118
<b>Cộng</b>	<b>10.552.766.863</b>	<b>9.269.755.649</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán công cụ, phế liệu	29.000.000	206.820.000
Thu nhập khác	801.389.525	173.444.688
<b>Cộng</b>	<b>830.389.525</b>	<b>380.264.688</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	86.309.315	730.893
Xử lý công nợ	-	63.808.012
Chi phí khác	110.025.727	6.517.460
<b>Cộng</b>	<b>196.335.042</b>	<b>71.056.365</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.521.171.310	3.748.994.749
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.521.171.310	3.748.994.749
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.600.000	2.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.508</b>	<b>1.442</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.432.432.006	73.602.802.596
Chi phí nhân công	32.028.332.777	27.066.040.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.401.170.951	2.379.907.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.328.561.089	9.727.099.348
Chi phí khác	8.005.061.779	4.427.318.606
<b>Cộng</b>	<b>135.195.558.602</b>	<b>117.203.168.413</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty đã tăng tài sản cố định từ việc sử dụng nguyên vật liệu tự sản xuất trị giá là 305.336.651 VND (số năm trước là 170.018.596 VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	1.443.855.888	752.974.922
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	21.669.164	17.746.931
Thù lao HĐQT	192.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.657.525.052</b>	<b>770.721.853</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty thép Việt Nam – cổ đông đại diện vốn Nhà nước.

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty thép miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
Bán thành phẩm	9.203.149.000	7.906.740.600
Mua nguyên liệu	202.520.000	-
<b>Công ty thép tấm lá Phú Mỹ - Chi nhánh Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
Bán thành phẩm	58.400.000	88.220.000
<b>Công ty tư vấn và thiết kế luyện kim – Chi nhánh Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
Phải trả phí thiết kế	111.614.909	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty thép miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
Phải thu tiền bán thành phẩm	1.643.653.000	2.422.503.900
<b>Công ty thép tấm lá Phú Mỹ - Chi nhánh Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
Phải thu tiền bán thành phẩm	20.900.000	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>1.664.553.000</b>	<b>2.422.503.900</b>
<b>Công ty tư vấn và thiết kế luyện kim – Chi nhánh Tổng Công ty thép Việt Nam</b>		
Phải trả phí thiết kế	64.094.400	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>64.094.400</b>	<b>-</b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 2. Quản lý rủi ro tài chính

### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.299,38	240,67	135.392,23	1.655,00
Phải thu khách hàng	72.900,00	-	211.693,22	-
Vay và nợ	(336.800,00)	-	(126.816,00)	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(182.600,62)</b>	<b>240,67</b>	<b>220.269,45</b>	<b>1.655,00</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 số dư tiền vay có lãi suất thả nổi là USD 336.800 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là USD 126.816).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý

#### *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Địa chỉ: Đường số 2, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính


	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.060.809.554	-	2.157.502.615	-	7.060.809.554	2.157.502.615
Phải thu khách hàng	18.405.244.232	-	12.476.570.281	-	18.405.244.232	12.476.570.281
Các khoản phải thu khác	12.792.500	-	14.428.200	-	12.792.500	14.428.200
Cộng	<u>25.478.846.286</u>	<u>-</u>	<u>14.648.501.096</u>	<u>-</u>	<u>25.478.846.286</u>	<u>14.648.501.096</u>


#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	7.098.902.000	2.643.396.160	7.098.902.000	2.643.396.160
Phải trả người bán	4.230.092.092	304.904.977	4.230.092.092	304.904.977
Các khoản phải trả khác	409.955.515	488.978.917	409.955.515	488.978.917
Cộng	<u>11.738.949.607</u>	<u>3.437.280.054</u>	<u>11.738.949.607</u>	<u>3.437.280.054</u>

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2014

  
Trương Thị Mỹ Dung  
Người lập biểu

  
Đỗ Xuân Quang  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Xuân Sơn  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM**

Địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

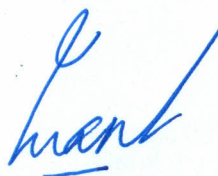
**Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	26.000.000.000	4.341.745.000	1.028.671.000	4.665.723.124	36.036.139.124
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	3.748.994.749	3.748.994.749
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(3.685.028.000)	(3.685.028.000)
Phân phối các quỹ trong năm trước	-	270.170.000	225.141.000	(945.593.000)	(450.282.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>4.611.915.000</b>	<b>1.253.812.000</b>	<b>3.784.096.873</b>	<b>35.649.823.873</b>
Số dư đầu năm nay	26.000.000.000	4.611.915.000	1.253.812.000	3.784.096.873	35.649.823.873
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	6.521.171.310	6.521.171.310
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(2.860.000.000)	(2.860.000.000)
Thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành trong năm nay	-	-	-	(37.490.000)	(37.490.000)
Phân phối các quỹ trong năm nay	-	299.920.000	187.450.000	(862.270.000)	(374.900.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>26.000.000.000</b>	<b>4.911.835.000</b>	<b>1.441.262.000</b>	<b>6.545.508.183</b>	<b>38.898.605.183</b>



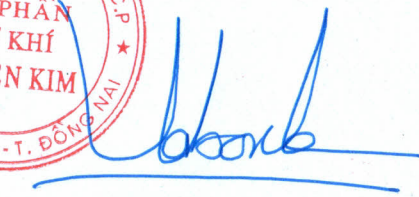
**Trương Thị Mỹ Dung**  
Người lập biểu



**Đỗ Xuân Quang**  
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2014



**Nguyễn Xuân Sơn**  
Tổng Giám đốc